

**LỄ KỶ NIỆM KINH LƯỢC PHAN THANH GIẢN
TẠI TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC VÀ K.N. SAIGON
NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 1972**

TUẦN LÝ HUỲNH KHẮC DỤNG

LỄ KỶ NIỆM KINH - LƯỢC PHẠM - THANH - GIẢN

TẠI TRƯỜNG QUỐC-GIA ÂM-NHẠC VÀ K.N. SAIGON

NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 1972

1

BÀI THUYẾT TRÌNH CỦA ÔNG TUẦN-LÝ HUYỀN-KHẮC-DUNG

2



PHAN - THANH - GIẢN

(1796-1857)

NGUỒN-GỐC.

Theo Đại-Nam chính-biên liệt truyện, tổ-tiên cụ Phan-thanh-Giản gốc người Trung-hoa, vì không theo nhà Mãn Thanh nên lánh nạn sang nước ta, lúc đầu định cư tại tỉnh Bình-định. Đến năm 1770, nhơn bình-biên Tây-sơn, ông bác và ông nội cụ đem gia-quyển vào Nam, an-cư tại Thăng-trông, một làng thuộc Đình-Tướng, ít lâu dời đến xóm Mạn-thất thuộc làng Mỹ-thanh-trung, gần Vũng-liêm, Vĩnh-long, rồi sau cùng lại về cư-ngụ tại làng Tân-thành. (+)

Phan Thanh Giản từ Tỉnh-bá và Đạm-như, hiệu Lương-kê và Mai-xuyên, cha tên Ngạn; mẹ họ Lâm, dòng-dối bên ngoại người Phước-Kiếp, Trung-hoa, di-cư đến nước ta, ở huyện Chương-nghĩa, tỉnh Quang-ngải, rồi lại chạy giặc Tây-sơn vào Nam-kỳ an-cư vùng Đình-Tướng, Ông Phan Thanh Giản sinh giờ Thìn, ngày 12 tháng 10 năm Bình-Thin, nhằm ngày 11 tháng 11, dương-lịch năm 1796 tại làng Tân-thành, huyện Vĩnh-bình, phủ Đình-Viện, trấn Vĩnh-Thành (**). Các địa-danh này nhiều lần thay đổi : năm 1832, làng Tân-thành đổi thành làng Bạc-thành, tổng Bạc-tri, phủ Hoàng-tri, tỉnh Vĩnh-long. Thời Pháp thuộc Bạc-thành thuộc quận Ba-tri, tỉnh Bến-tre, nay là Kiên-Hòa.

ẤU và

THIỆU THỜI.

ông

Mẹ ông sanh em gái ông tên Chánh mới 7 ngày thì bịnh mẹ chết, thọ có 27 tuổi. Lúc ấy Phan lên 7, một em trai tên Hội lên 4, mất mẹ sớm quá, nên thân-phụ mọi gởi cả ba anh em về nương-tựa với ông ngoại bà ngoại tại làng Phú-Ngãi. Hai em đều mất cách đó không bao lâu, Phan bơ-vỡ, bước chơn vào đời. Ông học võ lòng với sư trụ-trì tại chùa trọng làng, tên Nguyễn Văn Nca, không rõ được bao lâu. Dưới triều Gia-Long(+++) thân-phụ làm thu-hiệp phòng Công-ohanh ở Vĩnh-Long nhân bị cáo gian nên bị bắt và kết án 1 năm tù. Lúc bấy giờ Phan được 20 tuổi đến ra mắt quan Hiệp-trấn Vĩnh-Long xin để mình thay thế cho cha. Quan thượng đưa con hiệu-thạo bên

(+)(++) Thứ ấy tỉnh Gia-định quá rộng nên năm 1732 triều-định lập phủ Đình-Viện và dinh Long-Hồ. Năm Kỷ-Hợi 1779, đổi thành Hoàng-trần-dinh rồi năm sau, thăng từ năm Canh-Ti, Hoàng-trần dinh lại đổi là Vĩnh-trần-dinh. Hai chục năm sau, thăng giêng năm Mậu-Thìn, 1808, Vĩnh-trần-dinh lấy tên là Vĩnh-thành-trần (Thực-lục tiền biên, số 9, trang 9a; Thực-lục đệ nhứt kỳ, 1, trang 8a và 34, trang 1b.

(+++) Lãng nhàn, Giai-thoại Làng Nho, trang 313.

nưng-đỡ cho ăn học tại trường tỉnh Vĩnh-long. Mỗi ngày khi tan học mới vào thăm và nuôi cha. Đến khi cụ Ngạn được thả ra, cụ ngạc-ngạc hoàn-trưởng, định về quê ăn-đất. Quận Hiệp-trần bàn nên để Phan ở lại Vĩnh-long tiếp-tục việc sách đèn.

NƯỚC NON SÔNG GIÓ.- Phan Thanh Giản lớn lên trong lúc nước nhà trải qua trên 30 năm sông gió : từ đầu thế-ky 19 vua Minh-Mạng chuyên-chế, gắt-gạc, không chịu giao-thiệp với nước ngoài, ngược-đãi giao-sĩ đặc Gia-tổ. Suốt 20 năm tại vị, ông đã tỏ ra không thực-thời, cứ cương-quyết bẻ mọn toa cang. Đến đời Thiệu-Trị cũng theo đường-lối cũ, cũng cam đặc và giết giao-sĩ, dè dặt mới có sự dụng chạm với Tây-phương. Đến triều Tự-Đức đầu óc bài ngoài hay còn, quan-niệm lệch-lạc về văn-minh Tây-phương, khi sức-tinh thì qua muộn-mãng... Biết hoàn-cảnh xa-hội ấy, ta mới hiểu tâm-hồn quan Phan.

Năm Ất-Dậu, Minh-Mạng thứ 6 (1825) Phan thi Hương ở Gia-định, đậu cử-nhan, năm sau thi Hội ở Huế đậu hạng 10. Khi thi Đình, đậu hạng 3. Phan Thanh Giản là người Nam-ky đầu tiên được khắc tên vào Bia Tiên-sĩ. Năm ấy ông 31 tuổi.

Đại-dã-khoa rồi tiểu-dã-khoa : Phan cưới vợ là Nguyễn Thị Mỹ từ Cao, làng Mỹ-lộc, huyện Phước-lộc, tỉnh Gia-định. Đến tháng 8 được bổ Hàn-lâm-viện biên-tu, tháng 11 làm Tham-hiệp Quang-bình. Trên đường phò-nhật, ông tức cảnh sinh tình :

Muôn dặm đường xa mới tới kinh,
Bạc nhiều nên nước bay nhiều tỉnh...
Rừng không, người vắng, chim kêu rợn,
Trăng lặn, sao mờ, gió thổi rình...

Năm 1827, bà Mỹ mất sớm. Năm sau Phan tục-huyền với bà Trần Thị Hoạch từ Quốc, quận Đơn-đuê, huyện Địa-linh, Quảng-trị (+). Năm ấy 33 tuổi. Vợ chồng ăn ở với nhau không được bao lâu, Phan gởi vợ vào Nam-phụng-đường cha già. Vợ là một hiền-phụ, bà vắng lệnh ra đi. Phan tiễn vợ làm bài thơ này :

Tử thúy vương xe mới chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường may cưới tổ ham dong-ruoi,
Trường liêu thương ai chịu lạnh-lùng.
Ơn nước nợ trai đành nơi bạn,
Cha già nhà kẻ cậy nhau cùng.
May lời dặn bạc khi lâm biệt,
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỏi lòng?

Về sau, bà ngọc ý cưới thiếp cho chồng nhưng Phan không chịu : "Tôi lo việc nước chưa xong, trí đâu mà nghĩ tới chuyện hầu thiếp?"

HOẠN LỘ THĂNG TRẦM.- Đời làm quan của Phan Thanh Giản nhiều lúc thăng trầm, tướng cũng nên chép lại cho biết tanh diệm-đạm, nhàn-nại của con người ấy, trước những quyết-định độc-đoan bất-công mà khi đọc chúng ta không khỏi ngạc nhiên và bất bình.

(+) Sau là Vĩnh-linh (Chợ Huyện) cách Huế 100 cây-số ngàn.

Năm Minh-Mạng thứ 12 (1831) ông được triệu về cho làm Hiệp-trấn Quang-nam. Lúc đó giặc nơi đây 3 vùng Suối Chiên-dã, ông dẹp không xong nên bị giáng làm quân đề lập công chuộc tội. Năm sau, 1832, dẹp được dân dôn thiếu-số ấy mới được phục-chức với bậc Kiểm-thảo, rồi lên Hộ-bộ viên-ngại-lang. Rồi lại lên Hồng-lô-tư khanh, xử-lý bộ Hình, được cử đi sứ bên Tàu. Khi về, thăng Đại-lý tư-khanh, phụ-trách chức Cơ-mật-viện đại-thần. Đó là năm 1834.

Năm sau, Minh-Mạng thứ 16 (1835) được sai đi công-cán Trấn-tây (Cao-miên), trên đường về, dẹp loạn Bình-thuận, được phong Quang-nam bộ-chánh hộ-lý tuần-phủ Quận Phòng.

Năm Minh-Mạng thứ 17 (1836) Vua định ngự-đủ núi Ngũ-hành ở Quang-nam, Phan dựng sớ xin Vua hoãn việc ấy vì dân đang làm mùa, nếu phải bận rộn đến thánh giá, ẽ bất lợi cho việc gặt hái. Vua giận, cho là Phan muốn bắt chuộc Mạnh-tự hời xưa (!) bèn sai quan ngự-sứ Võ Huy Tân đi Quang-nam xét coi hư-thực ra sao. Về về tâu : "Dân thì mong Vua, chỉ có quan là thạm-những", Vì lẽ ấy, Phan bị giáng làm thuộc-viên thường, phải chịu cái nhục quét dọn cổng đường ngay ở tỉnh mình đang làm quan lớn! Vua cũng định-chỉ việc đi chơi. Hai tháng sau, Phan được bổ Nội-các Thừa-chỉ, tòng ngũ phẩm, kẻ đó Hộ Bộ lang trung (4-1) rồi Thu-thị lang (3-2).

Năm Minh-Mạng thứ 17 (1838) vì trên một lá sớ có bút phê của vua mà không coi chừng, để thiếu đồng ấn vào Phan bị giáng cấp làm lang-trung (4-1). Ít lâu sau bị đày đi vùng núi Chiên-dã ở Quang-nam coi việc khai mộ vàng, rồi lại đày lên Thái-nguyên coi việc khai mộ bạc, nhưng rồi qua năm Minh-Mạng thứ 20 (1839) Phan được triệu về và bổ Thông-chánh sứ Ty Phò-sứ (3-2) rồi Hộ-bộ thi-lang. Lúc bấy giờ Tổng-đốc Bình-định là Vương Hữu Quang đứng sớ xin Vua hay huy bỏ tướng hạt "Lôi phong thập" vì tướng ấy xúc phạm đến thần-linh nên tỉnh Bình-định phải chịu nan han hạn, Các quan hùa nhau dựng sớ hời tội. Quan Phan không chịu ký tên vào, lại còn biện-minh cho Quang là người Gia-định, nên bị sụt chức làm Thông-chánh phó sứ. Lý-do viện ra, là Ông có óc bề đang.

Năm sau (1840) làm phó chủ-khảo trường Thừa-thiên. Vì sơ-suất trong việc chấm thi, quan Phan bị sụt một trật nhưng không bao lâu lại lên Bình-bộ thi-lang, rồi Tham-trị Bình-bộ sung Cơ-mật-viện đại-thần, tòng nhị phẩm (2-2). Đó là năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841).

Ta thấy quan Phan lắm khi giáng-chức một cách vô lý tàn nhẫn, nhưng rồi nhờ thanh kiên-tam-nhơn-nại của mình mà phục-hồi chức vị mau lẹ.

Năm Thiệu-Trị thứ 3 (1843) nhận-sở một luồng bạch-khi lơ-lửng trên không, Vua truyền giải-thích coi đó là điềm lành dữ thế nào.

Quan Phan viết sớ tâu đại ý như sau :

" Giữa Trời và Người có lắm điều đáng sợ. Thiên-vị, Thiên-dân, Thiên-đạo, trong lòng vua đều có sẵn, tìm Vua nhíp là để thông lẽ Trời, khi chấn dân, lúc nào cũng siêng-năng can-mạn, mặc dầu không thấy dấu-hiệu chi lạ. Làm quân vương, nên biết run-sợ, mặc dầu không nghe điều chi đáng sợ. Khi có một triệu-chứng nhợ-nhen, phải biết tiên-đoan một biến-cố sắp xuất-hiện. Phải biết rút kinh-nghiệm, lấy đức trị dân. Như thế là thuận lòng Trời; như thế, giữa Trời và Vua có sự cam-thông. Trời mới ban phúc cho dân, dân sẽ yên vui. Hoàng-thượng đã là bậc chí-hiệu chí thành, bố ân khắp nước. Tuy nhiên, còn lắm chuyện không hay nên Trời ra điềm cảnh-tính. Hoàng-thượng rộng-lương muốn gần dân, nhưng dân dè chi gần thiên-tử! Nếu dân không tiếp nhận được hoàng ân, há không phải tại các quan chẳng thương dân mà tạo trịnh sự thật ư? May năm sau này phía tây biên-thủy có biến, nước mất an-ninh, nhiều cuộc nổi loạn làm dân cực khổ. Qui mong Hoàng-thượng triệu-tập nhân-sĩ lão-thành khải-kính để nghị bàn quốc-chánh, hiệu-thi bá quan từ nay phải tạo trịnh chân-thành nơi thông-kho của dân đen, không được giấu-giem, Hoàng-thượng sẽ áp-dụng những biện-pháp thích-nghĩ. Như thế, nan tham quan, ô lại sẽ cáo-chung, quân-lực được tận dụng, biên-thủy được bảo-an, quốc-gia được hùng-cường.

Trong ba năm : 1847, 1848 và 1849 đều cả vinh-thắng. Đến năm Tự-Đức thứ tư (1851) Nguyễn Tri Phương được cử làm Nam-ky Kinh-lược Chánh-sứ, Phan-thanh-Gian làm Phó-sứ, Tuấn-vũ Gia-định kiêm Lãnh-độc các đạo Biên-hòa, Long-Tướng (Vĩnh-Long, Định-Tướng), An-Hà (An-giang, Hà-tiên).

Năm Tự-Đức thứ 5 (1852) Phan cùng với Nguyễn Tri Phương dâng-sớ tâu 8 điểm, xin vua bỏ hát-xướng, tiết-kiệm, bớt xa-hoà phụng-phí văn. văn... và xin lại Kinh. Vua không cho, chỉ ân thưởng cho Phan một chiếc khánh vàng có khắc 4 chữ : liêm, bình, can, can. Qua tháng 8 năm sau, Tự-Đức thứ 6 (tháng 9 đ. 1853) được triệu về kinh và phong Hiệp-biên đại-học-sĩ (1-2) Binh-bộ Thượng-thư. Phan dâng sớ đề-nghị biện-pháp cai-thiện Nam-ky, Vua phê y, và năm Tự-Đức thứ 9 (1856) Phan được cử làm Chánh Tổng Tài Quốc-sứ quán để soạn theo bộ Khâm-định Việt-sử thông-giam cương-mục, 53 quyển.

Năm Tự-Đức thứ 12 (1859), Đà-nẵng và Định-Biên (+) bác động. Từ trên hai năm nay quan Pháp hiệp cùng quân Y-phá-nhơ đem chiến-thuyền đến bắn phá Đà-Nẵng vì lẽ triều-định sát-hại giặc-sĩ đạo Gia-tô.

PHÁP GÂY HẬN.-

HÒA-ƯỐC 1862.- Lúc bấy giờ trong nước sống pháp-phòng lo sợ. Nhà Vua tức-tới còn cam đoan ngất hơn trước nữa. Một giám-mục người Y-phá-nhơ tên Diaz và Garcia ở Bùi-chu, Thái-bình và nhiều thay giang người Việt bị giết. Trước sự gây-hận của người Pháp, Phan Thanh Gian và đình-thần tâu xin Vua tìm biện-pháp phòng chiến, thu thành hoặc giải hòa. Vua giao việc ấy cho quan Phan.

(+) Gia-định, Biên-hòa.

Hoàng-đế nước Pháp là Nã-phá-luân đệ tam sai đô-đốc Rigault de Genouilly sang. Vừa tới cửa Đà-nẵng bắn phá ngay và hạ luôn các đồn lũy của ta. Rồi qua hôm sau các chiến-thuyền quay về Nam-kỳ bắn pháo-dài hai bên bờ sông Đồng-Nai, tiến đánh Gia-định. Chỉ trong hai ngày Căn-Giới thất-thu (11.2.1859) rồi ngày 17.2.1859, thành Gia-định cũng mất luôn. De Jaureguierry coi chừng thành Gia-định và chống với quân ta ở Biên-hòa, De Genouilly trở ra Đà-nẵng đánh đồn Phúc-Ninh, tướng cơ viện binh thì vượt lườn ca Nam Trung cùng một lúc, nhưng tình-thế nước Pháp lúc ấy cũng khẩn trương, viện quân không sang được. Anh ta bối-roi, phải bỏ về Pháp. Đô-đốc Page qua thay, chia binh phân nửa giữ Gia-định, phân nửa sang Tàu giúp quân Anh, đánh Quang-dông. Lúc bấy giờ Nguyễn Tri Phương được cử vào Nam chống Pháp. Trước khi lên đường, ông tiến cử Phan Thanh Gian giữ Quang-nam.

Năm 1861, Nguyễn thua trận, Pháp thừa thắng lấy Biên-hòa, Thủ-dầu-một, Tây-ninh, quay xuống Mỹ-tho, đặt nền-móng cai-trị trên những phần đất mới chiếm. Năm 1862, tướng Pháp Bonard muốn nghị hòa. Phan Thanh Gian và Lâm Duy Hiệp xin Vua cho vào Nam hội-nghe. Vua Tự-Đức chuẩn cho hai quan làm Chánh, phó sứ đại thân vào Nam thương-thuyết vì lúc đó thế Pháp rất mạnh, đánh đâu thắng đó, như che tre, bên ta có thể nói là "thế cùng lực tận rồi. Nếu Tự-Đức chịu nghe lời Nguyễn-Ba Nghị lúc trước thì có lẽ còn đỡ hơn. Nghị đã tâu đại ý như vậy: "Sức chúng ta không cự nổi người Pháp. Phải cầu hòa." Vua nghe lời bốn quan khác, dừng-dừng, không có quyết-dinh dứt-khoát cho nên Tây mới chiếm, cho này rồi cho kia, Vua căn-dăn Phan, Lâm: "Khi thương-thuyết hay để xét tình-ly, tuy nghị biện-bạc, sặc cho họ bình tâm (!) nghỉ lại, giam được phần nào tốt phần ấy..." Đại-đại chủ-trương của triều-đình Huế là nhân-nhượng tội-thiếu về các lãnh-vực truyền-giao, giao thương và dừng-tiền chuộc những phần đất bị chiếm (!). Nhưng khi gặp thiếu-tướng Bonard, đại-diện nước Pháp và đại-ta Palanca, đại-diện nước Y-phá-nho, sự-bỏ Phan Thanh Gian đã phải đương-đầu với một lập-trường quá khắt-khe, ngoài sự tiếp-liệu của triều-đình. Ở đây, không có vấn-đề cho chuộc đất, chỉ có vấn-đề kẻ mạnh lợi-dụng chiến-thắng ăn hiếp kẻ yếu mà thôi! Sau đây là những điều-kiện chánh đưa ra :

1)- Hai nước Pháp-lạng-tây và Y-phá-nho cùng nước Đại-Nam giao-hoa vĩnh-viễn với nhau. 2)- Người Pháp và Y-phá-nho được tự-do truyền-giao ở nước Đại-Nam, ai muốn theo thì theo, ai không theo, không được ép buộc. 3)- Đại Nam giao cho Pháp quan-trị ba tỉnh Biên-hòa, Định-tướng và Gia-định. Sự đi lại bằng đường thủy giao-thông với Cao-miền được tự-do. Tàu binh Pháp qua lại cũng được tự-do. 4)- Từ nay về sau, nếu có nước nào gây sự với nước Nam, phải báo cho Pháp hay để giúp đỡ. Nếu phải cắt đất giảng hòa, phải có sự ưng thuận của nước Pháp mới được. 5)- Thương-gia Pháp và Y-phá-nho được vào ra buôn-bán ở các cửa biển Đà-Nẵng, Bà-Lát, Quang-Yên. Ngược lại, người nước Nam muốn qua buôn-bán ở hai quốc-gia bên cũng được.

6)- Mọi sự oán-cừu sẽ tiêu-tan sau Hòa-uớc này. 7)- Ta phải trả cho hai nước bạn một số bồi-tôn là 4 triệu đồng bạc (†) phân trả trong 10 năm, mỗi năm giao 400.000 cho Pháp tại Gia-đinh. Nay đưa trước 10 vạn quan, sẽ khấu trừ sau. 8)- Dân Nam phàm tới trốn sang Pháp hay dân Pháp phàm tới trốn sang Nam, sẽ được dân-độc (††). 9)- Dân ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên quá lại các vùng thuộc Pháp để làm ăn thị tứ-tiểu. Chở binh-lính, lương-huống, súng đạn phải có giấy phép của quan Pháp, bằng không sẽ cắt trị tội. 10)- Tỉnh Vĩnh-long, người Pháp đã lấy được, nay tạm đóng binh giữ, nhưng việc gì thuộc nước Nam thì do quan Nam biện-ly. 11)- Hạn trong một năm, vua 3 nước ngự-lâm, phê-chuẩn, Hòa-uớc sẽ gò-giao tại kinh-đô nước Nam.

Đại-cương Hòa-uớc Nhâm-Tuất (5-6-1862) là như thế.

Phan Thanh Giản lấy làm đau lòng mà phải ký rồi đứng biểu về kinh. Vua tuy khiển-trách phưng cũng sai làm Thông-đốc Vĩnh-long, Lâm Duy Hiệp làm Tuần-vu Thuận-khanh để giao-thiệp với người Pháp. "Lấy công chuộc tội" (!). Lẽ dĩ-nhiên, cuộc thương-thuyết bất-thành. Đợi nào Bonard lại chịu nhả miếng môi ngon... Quan Phan bị cách chức nhưng được lưu-dụng.

ĐI SỬ SANG TÂY.- Năm Quý-Hợi, Tự-Đức thứ 16, tháng giêng (1863) Bonard báo tin đến tháng 2 sẽ có sứ-thần Pháp - Y-phạ-nho đến Huế xin xác-nhập Hòa-uớc 1862. Vua tiếp hai sứ-thần xong, lại bàn với đình-thần làm sao tìm cách điều-định để xin chuộc đất (!), nghĩ rằng nếu có người sang tận Pháp quốc có lẽ kết-quả sẽ tốt đẹp hơn. Phan được triệu về Huế, giao trọng-trách ấy và được chọn làm đầu sứ-bộ sang Âu-châu. Nhưng quan đi sứ là : Lại bộ tá Tham-tri Phạm Phú Thứ, An-sật Quang-nam Nguyễn Khắc Đan (đệ-nhi, đệ-tam đại-sứ). Chánh-phu Saigon cho đi theo 9 người là : Petrus Trương-vĩnh-Kỷ thông-ngôn hàng nhứt, Petrus Nguyễn Văn Sang, thông-ngôn hàng nhì, Tôn Thọ Tường, nho-sĩ hàng nhứt, Phan Quang Hiều, nho-sĩ hàng nhì, Luông và Simon Cua, học-sinh trường Collège d'Adran. Có linh-mục Paulus Hoàng đi theo nữa. Lại có người thông-dịch-viên tên Nguyễn Văn Trường (chết ở Aden) Tất cả có 53 người. (†† †)

Trước khi ra đi, quan Phan tâu : "Thần sẽ cố-gắng, nhưng thành bại còn tùy hai chánh-phu Tây". Phái-đoàn đáp chiếc tàu "L'Européen" rời bến Saigon ngày 4.5.1863. Ngồi trên tàu, quan Phan cam đoan như sau :

ĐI SỬ SANG TÂY

Chín tầng lòng-lộng giữa trời thình,
Phụng chỉ ra đi buôi sứ-trình.
Lo nơi nước kia cơn phien biến,
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh.

(*) Sách tây nói "dollars" vậy phải tính dollar là 72% 1 lượng (tael)- Phan Khoang, VN Pháp-thuộc sử, SG, Khai-tri 1961.
(††) Ý là như thế.
(†††) 53 người : P. Daudin et Lê-văn-Phúc, Phan Thanh Giản, tr. 10, Saigon, Imp. Nguyễn Văn Cua 1941.

Ngân trùng biển cả bằng tây địa,
Muôn dặm đường xa thẳng đệ kinh.
Mây nước sang qua cùng Pháp quốc,
Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa minh.

Nhắc lại bài thơ này để cho người ta hiểu nỗi lòng của quan Phan, lúc nào cũng muốn làm tròn sứ-mạng để khỏi phụ lòng Vua, nghĩa là làm sao cho cuộc điều-định đem lại kết quả mỹ-mãn.

Tới đây, tưởng nên mở đầu ngoắc, cho biết rằng thời bấy giờ nước Pháp với Hoàng-đế Nã-phê-luân đệ-tam, đang ở trong giai-đoạn chánh-phủ chuyên-chế, từ năm 1858 đến năm 1867.

Sau hai tháng mấy linh-định trên mặt biển, phái-bộ tới hải-cảng Toulon ngày 9.9.1863 (27 tháng 7 năm Quý-Hợi), qua ngày 13.9 tới Marseille, được tiếp rước trọng thể. Tới Paris ngày đó lúc chiều, phái bộ cũng được long-trọng tiếp đón theo nghi-lễ ngoại-giao.

Vì Pháp-hoàng bận tuần-đu Biarritz nên các quan đành chờ ở Paris. Mãi đến ngày thứ 54 (5.11.1863) mới được vào triều-kiến. Pháp-hoàng tiếp quốc-thư, nghe trình bày rồi đáp :

"Nước Pháp có hảo-ý với tất cả các nước khác và sẵn-sàng bênh-vực kẻ yếu. Nhưng nếu có ai can thiệp tiện-thu của nước Pháp, thì hãy coi chừng, chúng ta sẽ nghiêm-khắc đối-phó!"

Đây là lời-lẽ đe-dọa của bậc kẻ cả bề trên, mặc dầu lúc ấy, vì giặc-giã lung-tung, nước Pháp không mạnh lắm đâu, nhưng ta là một nước nhỏ bé, yếu hơn họ nhiều, và sánh với họ khác nào châu châu với xe!

Ngày 10.11.1863, phái-bộ rời Pháp sang Madrid yết-kiến nữ-hoàng Isabelle với một bản dự-thạc Hòa-ước, mới thay thế Hòa-ước 1862 và xin cho nước Nam chuộc lại 3 tỉnh Biên-hòa, Gia-định, Định-tướng.

Cuộc thương-thuyết với hai chánh-phủ Tây kéo dài mà chẳng mang lại kết-qua muốn. Báo-chí bên Pháp có hai phe, một không muốn chiếm đất-đại xa-xôi, tốn hao công-quy, một, thì xui Vua nên "quan-tâm đến những điều-kiện phải có, để bảo-đảm cho nền thương-mại của ta những nguồn-lợi thích-đáng, mà không bắt ngân-sách quốc-gia chịu những chi-tiêu nặng-nề" (báo Le Moniteur, 13.11.1863). Sứ-bộ đánh hồi-hương với những lời hứa hẹn suông...

VỀ NƯỚC.

Chuyển về, phái-đoàn đi trên chiếc tàu Japon rời khỏi nước Pháp đầu tháng 12 năm 1863.

Tới Saigon ngày 18.3.1864 thì qua ngày 24, quan Phan đi luôn ra Huế, trình tâu kết-qua cuộc thương-thuyết. Vua và Đĩnh-thần đều vui lòng. Vua liền phong Phan chức Hộ-bộ Thương-thư. Trong lúc ở Pháp, quan Phan có dịp quan-sát và nghe thấy khá nhiều về nền văn-minh của Âu-châu, nên trình cho vua biết.

"Bách ban xảo diệu tề thiên địa,
Duy hữu tư sinh tạo hóa quyền"
(Nhiệm-mầu trăm thứ ngang trời đất,
Chết sống mới e phép của trời)

và xin Vua hãy canh-tân mọi ngành hầu tiến bước cho kịp người. Định-thần không ai tin những phát-minh khoa-học cho là tưng bốc người ngoại quốc, làm giam uy-thê mình.

Phan bộc miệng than :

Từ ngày đi sứ tới Tây kinh
Thấy việc Âu-châu phai giục mình!
Kêu tỉnh đồng bang mau kịp bước,
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin!

Lúc này Pháp-hoàng đã bước vào giai-đoạn chánh-phủ tự-do, từ năm 1867 đến năm 1870. Trong thời-gian ba năm ấy, chánh-phủ khuyến-khích nông-nghiệp, kỹ-giả và thương-mại, mặc dầu cũng khá bận tâm về chiến-sự ngoài nước, với đặc Crimea, Trung-hoa và Nam-Việt. Nhưng dầu sao, họ cũng mạnh hơn ta rất nhiều. Vậy mà định-thần Việt-Nam cứ đinh-ninh là ta mạnh. Thế mới chết!

HIỆP-UỐC 15.7.1864.— Khi về nước, Phan được phụng Hộ-bộ Thượng-thư rọi nhận có Toàn-quyền đại-thần của Pháp là Aubaret (Hà-bà-Lý) tới Huế để ký một Hòa-uớc mới, có giao hoạn 3 tỉnh đã chiếm, cho ta. Vua Tự-Đức phụng cho Phan Thanh Gian chức Toàn-quyền đại-thần ngang hàng, để thương-thuyết. Trong cuộc đàm-đạo, đại-diện nước Pháp trình-bày quan-điểm mới : Họ thuận giao hoàn cho ta ba tỉnh Gia-định, Biên-hóa, Định-tướng, nhưng giữ lại Saigon và Thủ-dầu-một để lập căn-cứ quân-sự. Ngoài ra Pháp van bạc-hộ cả sáu tỉnh, nước ta phải nộp cho nước Pháp 2 triệu đồng thuế mỗi năm. Đó là những điều-kiện cộc ngặt-nghèo hơn trước lắm cho quan Phan bối-rối lên. Ông thấy rằng cuộc đi sứ của mình hoàn-toàn vô ích! Hai bên đồng ý ký Hiệp-uớc ngày 15.7.1864. Hiệp-uớc này sẽ có hiệu-lực sau khi được các chánh-phủ liên-hệ phê-chuẩn.

Nhưng mỉa-mai thay! Trong khi cuộc hội-dàm diễn-tiến tại Huế thì bên Pháp quốc, Vua nghe lời bọn thực-dân, nên ngày 18.7.1864, Nã-pha-luân đề-tạm truyền-lệnh cho Aubaret ngưng ngay cuộc hội-dàm. Lệnh này tới Huế ngày 21.7.1864, nghĩa là 6 ngày sau khi hai vị toàn-quyền đã ký tên vào Hiệp-uớc 15.7.1864!

Lúc đó quan Phan đã 70 tuổi rồi, thấy trong người một mỏi, tâm-trí chần-ngán, nên đứng sợ xin tri-sĩ. Vua Tự-Đức đang phân-vấn, chưa biết định lẽ nào, thì quân Pháp chiếm đóng Cao-miên, đặt luôn bạc-hộ trên đó. Thừa thắng, thực-dân Chasseloup-Laubat nhứt-định nuốt-lội, không trả bá-tinh cho ta.

Người thời ấy cứ đổ thừa, tại nước Nam mà cuộc thương thuyết của sứ bộ Phan Thanh Gian - mới thất-bại, nhưng người ta không nghĩ đến những lý-do nào cả đã khiến Pháp phu-nhận những lời ký-kết trong hiệp-ước Phan Thanh Gian - Aubaret. Bên thực-dân thuở ấy thấy nước ta suy-nhược, nên chủ-trương, thừa cơ-hội biến Nam-kỳ thành thuộc-địa lược, để dùng đất này làm bàn đạp xâm-chiếm trên nước ta và lần lần đoạt luôn bán-đảo Đông-dương. Giòng lịch-sử đã chứng-minh điều đó...

KINH-LƯỢC-SỬ. - Kế-hoạch của nước Pháp xâm-chiếm Nam-kỳ rõ như ban ngày, vậy mà sau khi được Tổng-trần Vĩnh-long Trương Văn Uyên mật báo tình-hình 3 tỉnh miền Tây, Vua Tự-Đức lại định dùng ngoại-giao giữ nước (!) Bèn nghe lời tiến-cư của Đoàn-Tho và Trần Tiên Thành..... phụng Phan Thanh Gian làm Kinh-lược-sứ đại-thần, dạy dùng ngôn ngoại-giao mà giữ 3 tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên.

Phan phụng-mạng đi ngay. Ngày 21.1.1866 ghé Saigon thì qua hôm sau đi Vĩnh-long tran-nham. Trên đường đi, quan Phan ghé qua Mỹ-tho, gặp viên tư-lĩnh tỉnh này là ông ANSART (+) để đàm-đạo. Quan Phan trong lòng bức-tức, nên hỏi nhiều câu "bóc búa" (+) như... : "Chẳng nào các ông lấy 3 tỉnh?". "Các tỉnh này hiện-thời không thuộc các ông hay sao?" Các quan-lai tại đó đã không cố-gắng làm hài-lòng quan Thông-độc hay sao?... Tất cả những san-phạm không qua tay các ông hay sao?... Các ông không kiểm-tra sự ra vào các tỉnh ấy hay sao?... Trong các tỉnh ấy, các ông không áp-dụng một thực-quyền tối-thượng hay sao? Cho đến đôi phải qua khịch trách chúng tôi là nọ-lệ của người Pha-lang-sa... Chánh-phu Pha-lang-sa sẽ viên dạn lý-do nào để diêm-trang cho sự lam-dung thế-lực của mình, vì chúng tôi sẽ không chống sự xâm-lược bằng võ-lực, biết rằng sẽ vô ích... Hay là chúng tôi đã vi bội hòa-ước đã cùng ký với các ông trước đây?" v.v...

Tình-thế thật là gay-gò : mình là kẻ yếu, cứ thì không lại, nói chuyện lại lép vế, vì ngoài mặt người Lang-sa van lịch-sử, lễ-đo nhưng trong lòng chỉ nhắm vào mưu-đó xâm-chiếm mà thôi. Làm sao bây giờ? Phan van nhai-nại, mềm-đeo, trỉ chỉ tốt-độ, gắng sức điều-dinh, nhưng vô-ích... Ông bèn đứng sớ xin từ chức. Vua đã không cho, lại còn quở trách : "Trạm gác cho Khanh một trong trách. Khanh làm chưa tròn nghĩa-vụ, nay nghĩ sao mà từ-chức?". Quan Phan đành ở lại, răn sức thuyết,.. Trong khi ấy, đô-đốc De la Grandière, một mặt chuẩn-bị đánh úp! Ngày 15 tháng 6 đ.1 năm 1867, ông ta chỉ-huy nhiều chiến-thuyền đi thẳng xuống Vĩnh-long, tráo tời-hậu-thư buộc nộp thành trong vòng hai tiếng đồng-hồ (!). Quan Phan chết điếng trong lòng, liền bàn với ta hữu : "Tôi năm nay 71 tuổi rồi. Phải chỉ gác-chiến với Lang-sa mà chết ở sa trường, thì danh thơm biết mấy. Nhưng e rằng binh ta khó nơi cự đương, hòa ra cạnh thịt rơi máu đổ, tôi cho dân lành. Thôi, để tôi đánh liều xuống tàu, cố-gắng xem sao". Nói xong, cùng ông An-sat Võ Doãn Thành đi xuống saai-hạm gặp đô-đốc Pháp,

dùng lợi ngen ngọt yêu-cầu đừng làm kinh-dong nhân-dân, hãy thư-thả cho mình tầu lại : "Tôi được uy-nhiệm giữ đất chỗ không có quyền giặc đất".

De La Grandiere vô bằng lòng chỗ, nhưng khi quan Phan cáo biệt lên bờ về thành thì hỏi ôi! thành-trị đã bị quân địch tan-công bốn mặt chiếm mất rồi!!

Đó là ngày 20 tháng 6 dương-lịch, năm 1867. Lại được báo tin, ngày 22 mất An-giang, ngày 24 mất Hà-tiên! Như thế trong vòng 5 hôm mất luôn 3 tỉnh! Bị đặt vào một tỉnh-thế không lối thoát, quan Phan liền triệu công-kho ra 1 triệu đồng, để trả nợ chiến-phí cho Lang-sa, số còn lại thì gởi về Kinh lược, ăn áo mao, ăn triện, sắc-băng cùng một lúc với lá số tuyết-mạng đại ý như sau :

"Trên đất nước chúng ta có những hạnh-vi bạc-tàn khủng-khiếp xảy ra. Một lượng xu-khi xuất-hiện ở biển-thủy. Biện-ợc Nam-kỳ từ cõi ngoài đưa vào, với một cường-độc không thể cản ngăn. Tôi thân đang muốn thác. Nay không muốn song gấu-tha làm nhục cho Vua. Hoàng-thượng là bậc bác làm cơ-kim, dám mong xét kỹ văn-đề tri, loạn, tiếp-xúc với hiền-nhân trong, ngoài, thuận tuân mệnh Trời, an dân, chán-bán, cho thác một chương-trình toàn-diện, thay dấy tranh vết (+). Được như thế, nhờ uy-thế của Hoàng-thượng, họa may còn văn-cửu tỉnh-thế được cùng chăng... Nay trước khi nhắm mắt, thân cũng hòng không, còn biết tâu chi hơn, chỉ nhớ thương vua, rơi lụy sụt-sùi và dám mong sạo cho nguyên-vọng này thành-tựu..." (Từ thời tào gian bí, hững xư khời ư giặc điên phạn xâm bạc ư biện ngữ Nam-kỳ cương, sự nhứt chỉ ư thư xam xam hồ, hữu bát kha át chi thế, thân nghĩa đương từ bát cam cau hoat dĩ di quân phụ chi tu ngã. Hạng thượng bác-lâm cơ-kim, thâm-cửu tri loạn, trùng ngoại thân hiện, đồng tâm hiệp tăn, khác càn thiên cạnh, phụ tuất nhân cộng lự thị đề chúng, canh huyền địch triệt, thế lực đo hữu kha vi. Thân lâm tuyết ngạnh tắc bát tri số văn. Đan tuyết thế chiêm luyến bát thắng nguyên vọng nhi dĩ").

Đó là ngày 19.7.1867.

Viết số xong, cụ lách ra một căn nhà tranh ở ngoại ô Vĩnh-long và bắt đầu tuyết thực. Con cháu khốc-lộc. Cụ mỉm cười : "Ta nay là phe phản, song không ích cho Vua, thác sẽ chẳng thiệt cho ai". Rồi thân nhiên viết bài thơ sau :

Thời thời, đất lợi, lại người hòa,
Hạ đề ngôi coi, phai nơi ra.
Lâm tra ơn Vua, đến nợ nước,
Đánh cam gánh nặng, ruối đường xa.
Lên ghenh xuống thác, thương con trẻ,
Vượt biên trèo non cam phận già.
Cũng tương một lời an bôn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại châu ba!

(+) cạnh huyền địch triệt : thay dấy đàn, tránh lẩn lánh cũ có nghĩa là thay đổi đường lối chánh-trị cho hợp-thời.

Sau 25 ngày nhìn trời (*) mà không chết, quan Phan liền gọi con cháu đến gần mà nói : "Ta không có của cải gì để lại cho các con. Mong một điều là các con giữ cho trọn đạo làm người, chớ nhận chức gì của người Pha-làng-sa. Ta chết rồi hãy đem về Ngạc-châu, táng bên mộ ông bà. Đừng làm là triệu, chỉ ghi như vậy ... "Rồi tự tay viết trên tám giấy hồng đơn hàng chữ :

Đại-Nam hải nhai lão thư-sinh tánh Phan chi cữu.

(Linh-cữu của học-trò già họ Phan ở ven biển nước Đại-Nam)

Quan Phan tự cho mình không xứng-dáng nêu lên những tước-phẩm của Triều-đình và muốn trên mộ bia cũng sẽ chỉ ghi hàng chữ ấy mà thôi. Cụ lại viết thêm một bài thơ nữa :

BANG DUẬT TƯỢNG TRÌ
NGƯ CÔNG ĐẮC LỢI

Vạn vật nguyên lai lưỡng bất can,
Chỉ nhân am trác khởi tranh đon.
Vạn cam trắng chỉ hệ tu nhượng?
Thủy cấp hùng tâm bất kháng kham.
Khại khẩu bất như giam khẩu ăn,
Nhập đầu cảnh giác xuất đứ nan.
Tắc trị đắc lợi quy ngư phụ,
Vân thủy phi tiêm các tự an. (++)

Tam dịch :

TRAI CỎ CHỒNG NHAU

Hại giống trời sanh vốn chẳng quen,
Chỉ-vì tham lợi qua bon-chen.
Cỏ khoe dài mào nhường sao đáng,
Trai cày dây mai khép chặt liên,
Mỏ miệng không bằng im miệng quách!
Thóc đâu mới biết thụt đầu yện.
Sớm hay mắc phải tay chài bắt,
Thả đã bay cạc, lặn biệt tin.

Đến đêm, quan Phan bụng chẹn á-phiện hòa với giấm, thanh uống cạn. Rồi nhắm mắt chờ chết. Đó là ngày mùng 5 tháng 7 năm Đinh-Mao, Tự-Đức thứ 20 (4.8.1867).

Ồi! Bep thay và đáng phục thay!

(*) Theo tài-liệu khẩu truyền của ông Phan Vinh Tông, con ông Xuân, cháu nội ông Phan Thanh Học. Ông Học gọi quan lớn Phan bằng Bác.

(++)Chép theo bản của Lãng-Nhân, Giai-thoại Lãng Nho.

Quan Phan đã tự dành cho mình một cái chết phi-thường. Người đồng-thời ai cũng ngậm-ngùi thương tiếc. Ngay sau khi quan Phan tắt hơi, trung-tá Ansart, tư-lĩnh Vĩnh-Long đã viết bức thơ đề ngày 4.8.1867 cho ông Rebeul, tổng tham-mưu trưởng quân-lực Lang-sa, trong đó có câu : "... ông ta đã tự-tử với một ý-chí cương-quyết lạ-lùng. Sau khi chuẩn-bị thể-xác cho thuốc-độc để tàn-pha, bằng cách giam thực hơn 15 ngày (+), ông ta đã bình-tĩnh tru-liệu mọi việc, sai mua sắm quan-tai, may đồ tang-phục cho con cháu và tri-tribun..."

Chết như vậy mà đã yên đậu : ngày 21 tháng 10 dī năm 1867, Vua Tự-Đức thứ 20, 24 tháng 9, Vua truyền đưa vụ án Phan Thanh Giản và các quan ra xử trước Tôn-nhơn-phủ, vì trong số ấy có ông Tôn Thất Cáp, thông-độc quân-vụ ở Biên-Hòa là dòng tôn-thất. Kết-qua, lệ tháng 11 năm Tự-Đức thứ 20 (1868) quan Phan bị truy-đoạt tất cả được phạm triều-đình, đục tên trên Bia Tiên-sĩ và bị an trạm hậu...

Mãi đến 17 năm sau, triều Đồng-Khánh nguyên niên mới được phục-vi.

Xin ngâm 2 bài thơ của cụ Đồ-Chiếu

Nón nước tan tành, hê bởi đâu?
Đầu-dầu mây trắng cội Ngao-châu!
Bạc triệu công-cân vài hàng số,
Sau tình cang-thường một gánh sầu.
Trăm bác ngày chiều, tịn điệp vắng,
Thành nam đem quanh tiêng quỳn sau.
Minh-sạch chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió thu.

Nguyễn-đình-Chiếu (?)

Quan Phan tiết nghĩa sách các đây,
Thương bày vì đâu khiến chẳng may.
Hết dạ giúp Vua, trời đất biết,
Nát lòng vì nước, quỳ thân hay.
Tuyệt lương một tháng, rau xanh mặt,
Bi trách ba phen, lửa đỏ mày.
Chỉ sợ sự thân biền chẳng rạc,
Tâm lòng âm ức, phải thay-lay.

Nguyễn-đình-Chiếu

DANH LƯU HẬU THẾ. - Phan Thanh Giản làm tới ba triệu (Mình-Mang, Thiệu-Trĩ, Tự-Đức) là một ông quan thanh-liêm, cương-trực, nhơn-tử, một trung-thần, một hiếu-vũ, ai cũng mến-phục đức độ tài-ba. Ông lại là một nhà trí-thức học cao, hiểu rộng, gồm đủ đức-tánh của một hiền nhân, Văn-chương của ông, cho đến Vua Tự-Đức mà cũng khen là "cổ nhĩ".

Xét cho cùng-tốt, dưới triều Tự-Đức, ngoài Phan Thanh-Giản ra, chưa chắc đã có một quan đại-thần nào am-tướng tinh-trang văn-minh Tây-phương và sức mạnh khoa-học của người Tây-phương, trong lúc triều-đình Huế phân đống cử tướng nước ta mạnh. Sự chu hóa của người thức-thời lai bị xuyên-tạc đến chừng quân-Lang-sa đánh nã, giết mình, nấp-nì van xin chuộc đất (!) thì qua muộn-màng.

Phan Thanh-Giản quan-niệm rằng hễ thành mất thì quan giữ thành phải mất theo thành cho trọn đạo với quân vương. Không dấn-đé, không dè-dự, vì không muốn sống để đi cải nhục cho Vua. Khi bị đặt trước sự lựa chọn, quan Phan phải tuân-tiết. Trước ông có Võ-Tánh, người Biên-Hóa, theo Nguyễn Vương đánh bại Tây-sơn tới-bộ, sau bị vây khốn ở Bình-định, quân-sĩ hết lương-thực, ông nói lưa tu thiếu vì nghĩ rằng phải sống chết với thành. Đó là ngày 27 tháng 5 năm Tân-Đậu (7.7.1801). Cùng một ngày Ngô Tùng Châu cũng uống thuốc độc mà chết theo để báo-tan danh-tiết. Sau năm sau khi quan Phan tuân-tiết, quan Nguyễn Tri Phương vì Hà-nội thất-thu, bị trọng thương, không thuan để cho người Pháp bóc vết thương và săn-sóc thuốc-men, nhứt-quyết tuyệt thực cho tới chết. Đó là ngày 20.12.1873. Hoàng-Điệu, người Quang-Nam, tổng-độc Hà-Ninh (Hà-nội và Ninh-bị) bị đại-tá Rivière tấn-công thành-trị, buộc các quan phải nộp mình, liệu chông giữ không nổi, Hoàng-Điệu treo cổ mà chết, sau khi gói sớ về Kinh. Năm 1945 quân-sĩ Nhứt có người hay tin bại trận, mổ bụng mà chết...

Theo tôi, quan Phan có một thái-độ đáng bái-phục vì nó chứng-minh lòng dũng-cảm, trâm-mặc, anh-hùng. Nghĩ coi : suốt đời ba chìm bảy nổi, ông đã nhận-nhục cực độ, ngậm miệng làm thinh mà hy-sinh bạn thân, dấn-vút bỏ cái "tá" mà báo đáp quân ân. Suốt đời ông sống thanh-bản vì, hơn ai hết, ông đã ngộ đạo thành-nhận, không chạy theo cuộc đời hư-ngụy, mà giữ vững một tinh-thần trong trắng. Có lẽ lòng ham muốn mới trâm-mặc rồi giác ngộ được. Quan Phan đã sửa-sao, sắp xếp cái chết rất chu-đạo như một người đi xa. Gọi con cháu tới trải-trần mọi việc, làm thổ, viết sớ canh-tinh Vua và đình-thần, chờ Huế có thái-độ, chờ ca thang bắt tin, mới uống thuốc độc. Đau-đớn biết bao phiêu, trong khi chất độc ngấm vào tạng-phu để lan lan... lan lan đi vào cõi hư-vô. Cái chết của quan Phan cho ta một bài học đích-đang về đức hy-sinh và cái dũng vô bờ bến của một Giê-su, một Quang Đức. Có người hỏi : tại sao Vĩnh-long mất ngày 15.6.1867, 3 tỉnh mất từ ngày 24 mà mãi đến ngày 4. tháng 8. 1867 Kinh-lược-sự mới mất theo thành? Điều ấy không lạ : nếu ta hiểu ý-thức-hệ của người xưa và hoàn-cảnh không lợi-thiệt của Phan công, ta hiểu ngay. Thua trận, tuân-tiết trước khi thành mất, là hành-vi làm cho quân nghịch khâm-phục, đã đánh. Theo thể thường, người anh-hùng khi-khai chết để khơi thay thành mình lọt vào tay giặc tuy nhiên, đối với quan Phan, chết như vậy là theo một sự bồng-bột, bức-tức nhứt-thời. Mất thành, tức là tự-tử, cũng đáng khén. Nhưng như vậy, chưa phải đã làm trọn phận-sự,

, tròn nghĩa-vụ của một trung-thần, Trước khi nhắm mắt, phải làm lẹm sặc đánh thức quân Vua, để có một đường-lối chánh-trị mới thích-hợp hơn, đối với Nam-kỳ Lục-tỉnh. Làm thế nào cho người ở lại "thay dầy đàn, tránh vết xe cũ". Lời-lễ thông-thiết, lâm-lý của Phan công, của Hoàng Diệu phải làm cho chúng ta, kẻ hậu-sinh, - suy-gam mà phục, mà thương. Trước khi lìa trần, Phan công đã nguyền-ngạc khuyên Vua nên đổi thay đường-lối chánh-trị. Số đi rồi, trông mòn con mắt, ngày này sang ngày khác, mà tin điệp vẫn không ngớt... Phan công cảm-giác mình đã làm tròn phần tột con, tròn trách-nhiệm, rồi mới có quyết-định dứt-khỏi.

Sự ứng-dụng tư-tử của ông đã được ông E. LURO (+) đề-cáo và so-sánh với thái-độ trầm-lặng của cố-nhân La-Mã.

Nếu muốn quy-trách việc người Lang-sa cướp đất chúng ta rồi đổ-hổ, trong tám mươi năm, thì phải quy-trách cho sự bất-thức-thối của triều-đình Huế thời ấy : tình-thế nguy-ngập, mọi sự gần hòng bắt rồi mà cứ bấu vào Phan Thanh Gian để điều-định xin chuộc đất (!)

Giòng lịch-sử cho biết lỗi đó nào phải của Phan Thanh Gian. Vậy mà đời nay, có vài "sử-gia" căn-cứ vào bức thơ của trung-tá ANSART đăng trong tạp-chí France-Asie số 109-110, tháng 7 năm 1955, có tính trích ra vài đoạn, để phê-phán một cách sai-lầm, bất-công, về thái-độ và khí-phách của một nhân-vật lịch-sử được nhân-dân miền Nam sùng-bái như một vị tuấn-thần, lại nghĩ rằng Phan Thanh Gian còn ham sống chứ không có y-định quyên-sinh, chỉ vì áp-lực của một số quan-lại mới dùng đến đốc được. Rồi mạnh miệng phụng ra những tiếng không may đẹp/như là "buồn dân, bán nước" để thỏa-ma vọng linh quan Phan. Tài-liệu lịch-sử cho ta biết trước đó một tháng quan Phan đã ra lệnh cho tất cả các quan trực-thực phải về Bình-thuận hay Huế rồi, để một mình mình ở lại xử-trí với vấn-đề trách-nhiệm không giữ được thành.

Thì còn ai đâu mà "bức tử quan Phan?"

Ngoại việc ấy ra, Ansart viết : "Vài ngày trước khi thực-hiện quyết-định tai-hại ấy, ông ngó ý muốn đề-lại cho tôi ít ngàn quan dùng vào việc học-hành của các con cháu..." Chính ông Ansart viết thêm : "Mọi người đều tin-tưởng rằng cha Marc và tôi có thể khuyên-can ông (PTG) dùng thi-hành quyết-định tư-tử. Nhưng số-mạng đã xen vào : tôi không hiểu tí gì về những lời ông nói, xuyên qua cửa miệng của người thông-ngôn. Khi nghe nói "quan" viên thông-ngôn dịch ra "franc". Nền phò thời ấy, quan tiền Pháp là quan-vàng, còn "quan" của ta là quan tiền... kèm. Dịch ra tiếng "franc" là dịch sai, dân chúng như vậy là bị sự-đoan có ác-ý muốn bôi bẩn đức thanh-liêm của vị trung-thần họ Phan.

/làng Huống chi năm Bảo-Đại thứ 8, ngày 12.7.1933, Vua sắc cho/Long-Hồ, tỉnh Vĩnh-Long, phải phụng thờ làm thần : Phan công, Hiệp-tá Đại-học-sĩ, lãnh Nam-Kỳ Kinh-Lược-Sứ Toàn Quyền Đại-thần.

Nhại lại một bất công của quá thời, là một cử chỉ thiếu tình thương. Hình như trên quả địa-cầu này, tình thương là một thứ gì xa lạ với loài người. Tại vậy mới có đấu tranh, mới có giặc giã !

Thì giờ eo hẹp. Tôi xin lỗi cùng quý vị, đã nói hơi dài... Tôi chỉ muốn chúng ta có một quan-niệm không lệch lạc về cái chết vì nước vì dân, - không phải riêng gì của Phan-Thanh-Giản, - mà của tất cả những vị trung thần tuấn tiết đã thị cái chết như lông hồng khi đứng trước một tình thế vạn nan. Và tôi cũng xin quý vị, nếu đồng ý với tôi, khi đọc những lời bất công của những "sủ gia" ấy, hãy cùng tôi nhếch mép mỉm một nụ cười hàm súc tình thương, không máy may hậu ý./.

Tuần-Lý HUỖNH-KHẮC-DỤNG

TÀI-LIỆU THAM KHẢO

2

Phan Thanh Giản et sa famille par Daudin et Lê Văn Phúc
Bulletin de la Soc. des Études Ind. 2e sem.
1941.

Sử-liệu Việt-Nam par Tuần-lý Huỳnh-khắc Dụng
Bộ Giáo-dục xuất-bản 1959

Việt-Nam Pháp thuộc sử (1884-1945)
Phan-Khoang, Saigon Khai-Trí, 1961

Sử-địa số 7-8, Saigon Khai-Trí 1967

Histoire d'Annam, Maybon et Russier

Việt-Nam sử-lược, Trần Trọng Kim, Saigon Tân Việt 1951

Abrégé de l'Histoire d'Annam, Alfred Schreiner
Saigon, Imp. Coudurrier et Montégut 1906

Histoire de la Cochinchine française, Cultru
Paris, 1910

Giải-thoại Làng Nho, Lãng-Nhân, Kim-Lai 1971

★
★ ★

